| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2- ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:120 /QĐST-HNGĐ | *Điện Biên, ngày 26 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị I, sinh năm 1986; địa chỉ: bản T, xã N, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: bản T, xã N, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị I, sinh năm 1986; địa chỉ: bản T, xã N, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: bản T, xã N, tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị I và anh Lò Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các bên thống nhất sau khi ly hôn chị Lò Thị Inh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Lò Hưng P, sinh ngày 07/5/2014 và

cháu Lò Long G, sinh ngày 02/5/2019 cho đên khi các cháu thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi các con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Lò Thị I và anh Lò Văn D mỗi người phải chiu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị I tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nên chị I phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mã thông báo C3EJNFTTCO ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Trả lại cho chị I 150.000 đồng.

*Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSDNKV2-ĐB;
- UBND xã N (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Nga**